|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**THUYẾT MINH**

**Đề cương xây dựng Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ**

**tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022*

*của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 về việc phê duyệt chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030, Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 /9/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Văn bản số 76/HĐND-VP ngày 18/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo thuyết minh đề cương xây dựng Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030, như sau:

**I. Đánh giá tình hình thực hiện**

**1. Các văn bản về hoạt động thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030:**

- Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

- Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của  Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

- Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

- Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030;

- Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030.

**2. Kết quả thực hiện phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

- Tổng số đơn đăng ký sáng chế của tỉnh Bắc Kạn đã được công bố đến hết 31/12/2021: là 05 đơn;

- Tổng số văn bằng độc quyền sáng chế được cấp của tỉnh Bắc Kạn đã được công bố đến hết 31/12/2021: là 01 đơn;

- Tổng số đơn đăng ký giải pháp hữu ích của tỉnh Bắc Kạn đã được công bố đến hết 31/12/2021: là 01 đơn;

- Tổng số văn bằng độc quyền giải pháp hữu ích của tỉnh Bắc Kạn đã được công bố đến hết 31/12/2021: là 01 đơn;

- Tổng số đơn đăng ký Nhãn hiệu của tỉnh Bắc Kạn đã được công bố đến hết 31/12/2019: là 107 đơn;

- Tổng số văn bằng được cấp chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu của tỉnh Bắc Kạn đã được công bố đến hết 31/12/2019: là 47 đơn;

- Năm 2020: Tổng số đơn đăng ký nhãn hiệu là 09 đơn, tổng số văn bằng được cấp là 05 giấy chứng nhận;

- Năm 2021: Tổng số đơn đăng ký nhãn hiệu là 21 đơn, tổng số văn bằng được cấp là 10 giấy chứng nhận;

- Hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù, chủ lực của địa phương, đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Thông qua hoạt động này, vị trí, vai trò của KH&CN nói chung và sở hữu trí tuệ nói riêng đối với đời sống kinh tế - xã hội của địa phương được minh chứng rõ nét: Có 06 sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù của địa phương được hỗ trợ, trong đó:

+ Chỉ dẫn địa lý Miến dong: 594.430.000 đồng

+ Chỉ dẫn địa lý Hồng không hạt: 465.000.000 đồng

+ Chỉ dẫn địa lý Quýt: 698.630.000 đồng

+ Nhãn hiệu tập thể: Gạo bao thai Chợ Đồn: 283.515.000 đồng

+ Nhãn hiệu tập thể: Gạo nếp Khẩu nua lếch: 725.400.000 đồng (bao gồm cả mô hình sản xuất)

+ Nhãn hiệu tập thể: Chè shan tuyết Bằng Phúc: 1.460.117.800 đồng (bao gồm cả mô hình sản xuất chè hữu cơ, Vietgap và mô hình chế biến chè)

Các sản phẩm sau khi được bảo hộ sở hữu trí tuệ, người tiêu dùng đã biết đến rộng rãi, uy tín sản phẩm được nâng cao, giá trị sản phẩm gia tăng đáng kể.

Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ cũng đã phối hợp với Đài PT-TH tỉnh xây dựng và phát sóng tuyên truyền phổ biến kiến thức sở hữu trí tuệ trên Đài Truyền hình tỉnh Bắc Kạn.

Ngoài ra chương trình còn thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nhằm nâng cao nhận thức chung của xã hội về hoạt động bảo hộ, thủ tục đăng ký xác lập, bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ như: tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm,… tập huấn chuyên ngành cho các cho cán bộ thực thi, cán bộ quản lý của các sở, ngành, khuyến khích các hoạt động sáng kiến, đổi mới sáng tạo… các hoạt động nêu trên đã góp phần tăng lượng đơn đăng ký bảo hộ hàng năm.

Hiện nay tỉnh đang xây dựng hồ sơ và đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Vịt bầu cổ xanh Bắc Kạn và Bí xanh thơm Bắc Kạn. Cụ thể:

Dự án đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Vịt bầu cổ xanh Bắc Kạn. Tổng số kinh phí:1.573.000.000 đồng;

Dự án đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý Bí xanh thơm Bắc Kạn: Tổng số kinh phí 3.135.000.000,đ trong đó kinh phí đối ứng nguồn ngân sách địa phương là 285.000.000 đồng.

**3. Tình hình thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh**

a) Tình hình thực hiện:

Nhằm thực hiện chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*. Trong đó, giao *“Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: a) Xây dựng, phê duyệt và bố trí kinh phí để triển khai Chương trình của địa phương; b) Triển khai các hoạt động chung, thường xuyên nhằm chỉ đạo, quản lý và tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn. Tổ chức quản lý và thực hiện các nội dung Chương trình theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án, đề án) cấp tỉnh; c) Lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác thuộc thẩm quyền quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương và doanh nghiệp.”*.

Ngày 11/6/2021, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030. Tuy nhiên, đến nay tỉnh chưa có quy định cụ thể về mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030, nên chưa có căn cứ để thực hiện.

Ngày 09/9/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2021/TT-BTC quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, trong đó,tại điểm c, khoản 1, Điều 6 của Thông tư quy định*“...Đối với nhiệm vụ do địa phương quản lý, căn cứ vào các công việc có liên quan, điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương để thực hiện.”.*

b) Kinh phí thực hiện mức chi của hoạt động Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030: Chưa thực hiện.

**II. Sự cần thiết ban hành văn bản**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

- Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

- Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của  Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

- Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

**2. Sự cần thiết**

Ngày 09/9/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2021/TT-BTC quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, trong đó, tại điểm c, khoản 1, Điều 6 của Thông tư quy định *“...Đối với nhiệm vụ do địa phương quản lý, căn cứ vào các công việc có liên quan, điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương để thực hiện.”.*

Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030là cần thiết và có cơ sở pháp lý, phù hợp với các quy định hiện hành.

**III. Nội dung đề xuất HĐND tỉnh thông qua**

**1. Mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới**

a) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 15 triệu đồng/đơn (đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ). *(Bằng 50 % so với Thông tư số 75/2021/TT-BTC)*

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu: 7,5 triệu đồng/văn bằng bảo hộ. *(Bằng 50% so với Thông tư số 75/2021/TT-BTC).*

**Giải trình:** Cơ sở để cơ quan soạn thảo đề xuất các mức chi nêu trên căn cứ khả năng nguồn kinh phí thực hiện, hiện nay tổng mức chi hàng năm cho hoạt động sự nghiệp KH&CN đã được cân đối, về cơ bản ổn định hàng năm. Nếu để định mức chi cao thì số lượng nhiệm vụ được triển khai hỗ trợ sẽ ít; định mức chi thấp có thể triển khai nhiều nhiệm vụ nhưng không thu hút được sự tham gia, không khuyến khích được hoạt động đăng ký bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ của các tổ chức, cá nhân, chất lượng, hiệu quả thấp.

Căn cứ đề xuất dự toán hỗ trợ theo Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; và Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp. Ngoài ra, đơn vị soạn thảo đã tham khảo báo giá một số đơn vị tư vấn luật để làm căn cứ mức chi hỗ trợ cho sát với thực tế. (Có biểu Dự toán và báo giá kèm theo).

+ Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, đơn vị dự toán tổng mức phải chi là 34.820.000,đồng, đề xuất hỗ trợ 15 triệu đồng/đơn (đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ),

+ Đối với đơn đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới đơn vị dự toán tổng mức phải chi là 16.150.000 đồng, đề xuất hỗ trợ: 15 triệu đồng/đơn (đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ).

+ Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, đơn vị dự toán tổng mức phải chi là 15.350.000 đồng, đề xuất hỗ trợ: 7.500.000 đồng/văn bằng bảo hộ.

+ Đối với đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu,đơn vị dự toán tổng mức phải chi là 8.510.000,đồng, đề xuất hỗ trợ: 7.500.000 đồng/văn bằng bảo hộ.

Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế hiện nay trên địa bàn tỉnh số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế chiếm tỷ lệ rất thấp so với cả nước. Khả năng được đăng ký bảo hộ rất thấp do khó khăn trong việc xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế như thành phần hồ sơ đăng ký, phần mô tả sáng chế, giữ bí mật của sáng chế, để thực hiện và hoàn thành một phần mô tả đúng theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ đồng thời thể hiện được phạm vi bảo hộ phù hợp với hình vẽ sáng chế là điều gây lúng túng cho chủ sở hữu, thời gian đăng ký sáng chế thường tương đối dài nên chưa khuyến khích được các chủ thể đăng ký bảo hộ.

Về đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh đến nay hầu như chưa có, nguyên nhân do việc đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới là không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoặc chủ sở hữu giống cây trồng. Việc chứng minh giống cây trồng có tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và có tên phù hợp để đăng ký bảo hộ còn gặp khó khăn.Vì vậy để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới cần có một lượng kinh phí hỗ trợ phù hợp để động viên các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới.

Việc đề xuất mức hỗ trợ như trên là phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh về nguồn kinh phí và khả năng tham gia chương trình của các cơ sở, doanh nghiệp tại địa phương.

b) Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn. *(Bằng 100 % so với Thông tư số 75/2021/TT-BTC)*

**Giải trình:** Cơ sở để cơ quan soạn thảo đề xuất mức chi nêu trên hiện nay chưa có tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh sở hữu văn bằng đã được bảo hộ trong nước đăng ký bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm của mình ra nước ngoài vì vậy cần khuyến khích nhằm nâng cao giá trị thương hiệu các sản phẩm của tỉnh, đưa các sản phẩm ra nước ngoài. Khi các sản phẩm được đăng ký bảo hộ tại nước ngoài sẽ tạo hiệu ứng kích thích gia tăng giá trị sản phẩm, tạo thêm nhiều việc làm, phát triển sản xuất.

Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng quy định tại khoản 2, điều 2 của dự thảo Nghị quyết, đơn vị dự thảo cũng dự toán mức chi hỗ trợ chi tư vấn hồ sơ, thiết kế kiểu dáng công nghiệp, thiết kế nhãn hiệu, hồ sơ sáng chế và chi hỗ trợ tư vấn đăng ký bảo hộ nhằm đảm bảo phù hợp với Thông tư số 75/2021/TT-BTC.

**2.** Các mức chi những nội dung khác liên quan đến việc hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và các văn bản khác có liên quan.

**3. Dự kiến tổng số kinh phí ngân sách địa phương phải đảm bảo hàng năm:**

- Kinh phí hàng năm chi hỗ trợ 112.500.000 đồng/năm.

- Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ từ năm 2023 đến 2030 là: 900.000.000 đồng

*(có biểu tổng hợp kèm theo)*

**DỰ TOÁN   
Mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030  
(Giống cây trồng mới)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Mức thu** *(đồng)* | **Căn cứ  lập dự toán** |
| **I** | **Lệ phí** |  |  | Thông tư số  207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính |
|  | Lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, cấp chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp | Bằng | 350.000 |
|  | Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ  quyền sở hữu trí tuệ | Bằng | 100.000 |
| **II** | **Phí bảo hộ giống cây trồng** |  |  |
| 1 | Thẩm định đơn | 01 lần | 2.000.000 |
| 2 | Thẩm định lại đơn khi người nộp đơn yêu cầu thì người nộp đơn phải nộp 50% lần đầu | 01 lần | 1.000.000 |
| 3 | Duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng (đề xuất hỗ trợ một lần Từ năm thứ 1 đến năm thứ 3) |  |  |
|  | - Từ năm thứ 1 đến năm thứ 3 | 01 giống/01 năm | 3.000.000 |
|  | - Từ năm thứ 4 đến năm thứ 6 | 01 giống/01 năm |  |
|  | - Từ năm thứ 7 đến năm thứ 9 | 01 giống/01 năm |  |
|  | - Từ năm thứ 10 đến năm thứ 15 | 01 giống/01 năm |  |
|  | - Từ năm thứ 16 đến hết thời gian hiệu lực của Bằng bảo hộ | 01 giống/01 năm |  |
| 4 | Thẩm định yêu cầu phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng | Đơn | 1.200.000 |
| 5 | Hội đồng công nhận giống, cây trồng mới | 01 lần | 4.500.000 |
| 6 | hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân chi phí tư vấn hỗ trợ xây dựng hồ sơ | 1 bộ hồ sơ | 4.000.000 | Tham khảo giá thị trường |
|  | **Tổng cộng** |  | **16.150.000** |  |
|  |  |  |  |  |

**DỰ TOÁN   
Mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030  
(Sáng chế - Kiểu dáng công nghiệp - Nhãn hiệu)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục phí, lệ phí sở hữu công nghiệp** | **Mức thu (nghìn đồng)** | | | |
| **Sáng chế (bao gồm cả giải pháp hữu ích)** | **Kiểu dáng công nghiệp** | **Nhãn hiệu** | **Căn cứ  lập dự toán** |
|
|
|
|
| **1** | **Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp** |  |  |  | Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính |
|  | Lệ phí nộp đơn (gồm cả đơn tách,  đơn chuyển đổi) | 150 | 150 | 150 |
|  | Lệ phí yêu cầu gia hạn thời hạn trả lời thông báo của Tổ chức thu phí, lệ phí (mỗi lần được phép gia hạn) | 120 | 120 | 120 |
| 2 | **Lệ phí cấp Văn bằng bảo hộ, cấp chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp** |  |  |  |
|  | Lệ phí cấp Văn bằng bảo hộ | 120 | 120 | 120 |
|  | - Đối với đơn sáng chế có trên 01 điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ, đơn kiểu dáng công nghiệp có trên 01 phương án của từng sản phẩm, đơn nhãn hiệu có trên 01 nhóm sản phẩm/dịch vụ, từ điểm độc lập/phương án/ nhóm thứ 2 trở đi phải nộp thêm cho mỗi điểm độc lập /phương án/ nhóm | 100 | 100 | 100 |
|  | - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp | 120 | 120 | 120 |
| 3 | **Lệ phí duy trì, gia hạn, chấm dứt,  hủy bỏ hiệu lực Văn bằng bảo hộ  quyền sở hữu công nghiệp** | 100 | 100 | 100 |
| 4 | **Phí thẩm định về sở hữu công nghiệp** |  |  |  |
|  | Phí thẩm định đơn đăng ký sở hữu công nghiệp; yêu cầu sửa đổi thu hẹp phạm vi bảo hộ; để giải quyết khiếu nại (đối với sáng chế cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ, đối với kiểu dáng công nghiệp cho mỗi phương án của từng sản phẩm, đối với nhãn hiệu cho mỗi nhóm có đến 6 sản phẩm/dịch vụ, đối với chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp cho mỗiđơn). Đối với sáng chế: phí thẩm định hình thức bằng 20% mức thu, phí thẩm định nội dung bằng 80% mức thu | 900 | 700 | 550 |
|  | - Nếu bản mô tả sáng chế có trên 6 trang, đơn nhãn hiệu có trên 6 sản phẩm/dịch vụ trong một nhóm, phải nộp thêm cho mỗi trang, mỗi sản phẩm/dịch vụ từ thứ 7 trở đi | 40 |  | 120 |
|  | - Phí phân loại quốc tế về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp (mỗi phân nhóm); hàng hóa, dịch vụ đối với nhãn hiệu (cho mỗi nhóm có không quá 6 sản phẩm/dịch vụ) | 100 | 100 | 100 |
|  | + Nếu mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ, phải nộp thêm cho mỗi sản phẩm/dịch vụ từ thứ 7 trở đi |  |  | 20 |
|  | Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu  tiên (mỗi đơn/yêu cầu) | 600 | 600 | 600 |
|  | Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi đơn đăng ký sở hữu công nghiệp (cho mỗi nội dung sửa đổi của mỗi đơn) - trừ sửa đổi theo Văn bằng bảo hộ đã cấp ở nước ngoài theo yêu cầu của tổ chức thu phí | 160 | 160 | 160 |
|  | Phí thẩm định yêu cầu chuyển nhượng  đơn (mỗi đơn đăng ký) | 160 | 160 | 160 |
|  | Phí thẩm định hồ sơ đơn đăng ký chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp (mỗi văn bằng bảo hộ) | 230 | 230 | 230 |
|  | Phí thẩm định yêu cầu gia hạn, duy trì, sửa đổi văn bằng bảo hộ; gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực Giấy chứng nhận hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (mỗi văn bằng bảo hộ); ghi nhận thay đổi thông tin đại diện sở hữu công nghiệp liên quan đến đối tượng sở hữu công nghiệp vào Sổ đăng ký Quốc gia; sửa đổi Giấy chứng nhận hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, gồm: Sửa đổi phạm vi chuyển giao, sửa đổi kéo dài thời hạn (mỗi văn bằng bảo hộ liên quan đến nội dung sửa đổi) và sửa đổi khác (mỗi Giấy chứng nhận chuyển giao quyền sử dụng) | 160 | 160 | 160 |
| **5** | **Phí giải quyết yêu cầu phản đối đơn  về sở hữu công nghiệp** |  |  |  |
|  | Phí giải quyết yêu cầu phản đối cấp Văn bằng bảo hộ của người thứ ba (đối với nhãn hiệu cho mỗi nhóm, đối với kiểu dáng công nghiệp cho mỗi phương án của từng sản phẩm, đối với sáng  chế/giải pháp hữu ích cho mỗi điểm độc lập, đối với chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí cho mỗi đơn) | 550 | 550 | 550 |
|  | **Phí tra cứu thông tin về sở hữu công  nghiệp** |  |  |  |
|  | Phí tra cứu thông tin nhằm phục vụ việc thẩm định, giải quyết khiếu nại và các công việc khác trong phạm vi trách nhiệm (đối với nhãn hiệu cho mỗi nhóm có đến 6 sản phẩm/dịch vụ, đối với kiểu dáng công nghiệp cho mỗi phương án của từng sản phẩm, đối với sáng chế cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ, đối với chỉ dẫn địa lý cho mỗi đơn); tra cứu nhãn hiệu liên kết phục vụ việc thẩm định Hồ sơ đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp (mỗi văn bằng bảo hộ) | 600 | 480 | 180 |
|  | - Nếu đối tượng tra cứu là nhãn hiệu có  trên 6 sản phẩm/dịch vụ trong một nhóm,  phải nộp thêm cho mỗi sản phẩm/dịch  vụ từ thứ 7 trở đi |  |  | 30 |
| 6 | **Phí công bố, đăng bạ thông tin sở hữu công nghiệp** |  |  |  |
|  | Phí công bố thông tin về sở hữu công  nghiệp | 120 | 120 | 120 |
|  | - Nếu có trên 1 hình, từ hình thứ hai trở  đi phải nộp thêm cho mỗi hình | 60 | 60 |  |
|  | - Nếu bản mô tả sáng chế có trên 6 trang, từ trang thứ 7 trở đi phải nộp thêm cho mỗi trang | 10 |  |  |
|  | Phí đăng bạ thông tin về sở hữu công nghiệp | 120 | 120 | 120 |
| 7 | **Phí sử dụng Văn bằng bảo hộ** |  |  |  |
|  | Phí sử dụng Văn bằng bảo hộ: đối với sáng chế, giải pháp hữu ích cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ cho mỗi năm, đối với nhãn hiệu cho mỗi nhóm sản phẩm/dịch vụ cho 10 năm, đối với kiểu dáng công nghiệp cho mỗi phương án của từng sản phẩm cho 5 năm |  | 700 | 700 |
|  | - Năm thứ 1; Năm thứ 2 đối với sáng chế, giải pháp hữu ích | 300 |  |  |
|  | - Từ năm thứ 3 trở đi không hỗ trợ |  |  |  |
|  | Tư vấn hồ sơ, thiết kế kiểu dáng công nghiệp |  | 6.500 |  | Tham khảo  giá thị trường |
|  | Tư vấn hồ sơ, thiết kế nhãn hiệu |  | 4.000 | 4.000 | Tham khảo  giá thị trường |
|  | Tư vấn hồ sơ sáng chế (bao gồm cả giải  pháp hữu ích) | 30.000 |  |  | Tham khảo báo giá thị trường |
|  | **Cộng đăng ký bảo hộ trong nước** | **34.820** | **15.350** | **8.510** |  |
| 8 | **Phí thẩm định đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp** |  |  |  | Thông tư số  263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính |
|  | Phí kiểm tra sơ bộ về mặt hình thức đơn sáng chế quốc tế để nộp cho văn phòng quốc tế và cơ quan tra cứu quốc tế | 300 |  |  |
|  | Phí thực hiện thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu có nguồn gốc Việt Nam - không bao gồm các khoản phí phải nộp cho Văn phòng quốc tế |  |  | 2.000 |
|  | Phí thẩm định sửa đổi, chuyển nhượng, gia hạn, mở rộng lãnh thổ, hạn chế danh mục sản phẩm, chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực nhãn hiệu đăng ký quốc tế có nguồn gốc Việt Nam |  |  | 1.000 |
|  | Phí riêng đối với đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo Nghị định thư Madrid có chỉ định Việt Nam |  |  |  |
|  | - Phí thẩm định đơn cho mỗi nhóm hàng hóa hoặc dịch vụ |  |  | 3.600 |
|  | - Phí thẩm định đơn gia hạn cho mỗi nhóm hàng hóa hoặc dịch vụ |  |  | 3.200 |
|  | Hỗ trợ chi tư vấn hồ sơ, thiết kế kiểu dáng công nghiệp, thiết kế nhãn hiệu, hồ sơ sáng chế | 30.000 | 30.000 | 30.000 | Dự toán |
|  | Hỗ trợ tư vấn đăng ký bảo hộ | 30.000 | 30.000 | 30.000 |
|  | **Cộng đăng ký bảo hộ nước ngoài** | **60.300** | **60.000** | **69.800** |  |

**DỰ TOÁN**

**Nhu cầu hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030**

**(Kiểu dáng công nghiệp - Nhãn hiệu)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **đơn giá (đ)** | | **Kiểu dáng công nghiệp (Số lượng hồ sơ)** | | **Nhãn hiệu (Số lượng hồ sơ)** | | **Thành tiền (đ)** |
| 1 | 2023 | 7.500.000 | | 1 | | 10 | | 82.500.000 |
| 2 | 2024 | 7.500.000 | | 1 | | 10 | | 82.500.000 |
| 3 | 2025 | 7.500.000 | | 1 | | 10 | | 82.500.000 |
| 4 | 2026 | 7.500.000 | | 1 | | 10 | | 82.500.000 |
| 5 | 2027 | 7.500.000 | | 1 | | 10 | | 82.500.000 |
| 6 | 2028 | 7.500.000 | | 1 | | 10 | | 82.500.000 |
| 7 | 2029 | 7.500.000 | | 1 | | 10 | | 82.500.000 |
| 8 | 2030 | 7.500.000 | | 1 | | 10 | | 82.500.000 |
|  | Tổng | | | | | | | **660.000.000** |
| **DỰ TOÁN**  **Nhu cầu hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030**  **(Giống cây trồng mới - Sáng chế )** | | | | | | | | |
| **STT** | **Năm** | **đơn giá (đ)** | **Sáng chế (Số lượng hồ sơ)** | | **Giống cây trồng mới (Số lượng hồ sơ)** | | **Thành tiền (đ)** | |
| 1 | 2023 | 15.000.000 | 1 | | 1 | | 30.000.000 | |
| 2 | 2024 | 15.000.000 | 1 | | 1 | | 30.000.000 | |
| 3 | 2025 | 15.000.000 | 1 | | 1 | | 30.000.000 | |
| 4 | 2026 | 15.000.000 | 1 | | 1 | | 30.000.000 | |
| 5 | 2027 | 15.000.000 | 1 | | 1 | | 30.000.000 | |
| 6 | 2028 | 15.000.000 | 1 | | 1 | | 30.000.000 | |
| 7 | 2029 | 15.000.000 | 1 | | 1 | | 30.000.000 | |
| 8 | 2030 | 15.000.000 | 1 | | 1 | | 30.000.000 | |
| Tổng | | | | | | | **240.000.000** | |
|  |  | | | | | | **660.000.000** | |
|  | Tổng cộng | | | | | | **900.000.000** | |